

UBND TỈNH HUNG YÊN
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /VPUB-PVHCC&KSTT

Hung Yên, ngày tháng 01 năm 2024

V/v Công bố kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công năm 2023

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử;

Căn cứ Công văn số 2283/UBND-PVHCC&KSTT ngày 30/8/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử;

Trên cơ sở kết quả đồng bộ công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ <https://quantri.dichvucong.gov.vn/>, Văn phòng UBND tỉnh công bố kết quả đánh giá Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công năm 2023 của tỉnh như sau:

1. Tổng hợp các nhóm chỉ số của tỉnh Hưng Yên đạt 78,5 điểm; xếp hạng thứ 12/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó:

- Chỉ số Công khai minh bạch: 10,5/18 điểm (trung bình cả nước là 13,2/18 điểm).

- Chỉ số Tiến độ giải quyết: 19,6/20 điểm (trung bình cả nước là 18/20 điểm) đạt tỷ lệ 98,23%, xếp hạng thứ 1/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến

+ Dịch vụ công trực tuyến: 12/12 điểm (trung bình cả nước là 6,5/12 điểm)

+ Thanh toán trực tuyến: 5,4/10 điểm (trung bình cả nước là 5,3/10 điểm) đạt tỷ lệ 27,01%, xếp hạng thứ 31/63 tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chỉ số Mức độ hài lòng: 17,9/18 điểm (trung bình cả nước là 17,5/18 điểm);

- Chỉ số về số hóa hồ sơ: 13/22 điểm (trung bình cả nước là 10,8/22 điểm), trong đó việc cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử bản sao từ bản chính đã được triển khai, thực hiện tại 171/171 đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả cụ thể một số nhóm, tiêu chí của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố

(Có Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo).

Căn cứ kết quả nêu trên, Văn phòng UBND tỉnh đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ đề nâng cao điểm số cũng như tỷ lệ các nhóm chỉ số đang ở mức thấp, duy trì và phát huy hơn nữa các chỉ số đang ở mức tốt.

Giao Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh công khai kết quả trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công và Kiểm soát thủ tục hành chính công khai kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT-HN tỉnh;
- Trung tâm PVHCC&KSTTHC^{Tài};
- Lưu: VT, PVHCC&KSTT^{Nh}.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Trần Văn Thắng

Phụ lục I
MỘT SỐ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN TRONG BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ
NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH;
UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2023
(Kèm theo công văn số /VPUB-PVHCC&KSTT ngày /01/2024
của Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên)

stt	Tên cơ quan, đơn vị	Tình hình kết quả xử lý hồ sơ TTHC (%)	Tỷ lệ mức độ hài lòng (%)	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến (%)
I	UBND tỉnh Hưng Yên	98,23	99,7	27,01
1	Sở Tài chính	100	100	TTHC không có phí, lệ phí
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	97,76	100	7,24
3	Sở Nội vụ	90,12	99,9	TTHC không có phí, lệ phí
4	Sở Thông tin và Truyền thông	99,53	100	29,95
5	Sở Khoa học và Công nghệ	94,97	100	4,03
6	Sở Giao thông vận tải	88,47	99,3	21,85
7	Sở Xây dựng	98,07	100	22,22
8	Sở Y tế	80,86	96,5	24,73
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	97,53	100	33,17
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	92,73	100	31,45
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	92,06	100	21,94
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	95,57	100	29,8
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	96,96	100	16,02
14	Sở Công Thương	99,77	100	1
15	Sở Tư pháp	97,66	100	19,32
16	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	97,28	100	7,04
17	UBND thành phố Hưng Yên	99,31	100	39,17
18	UBND huyện Ân Thi	99,7	100	22,99
19	UBND huyện Kim Động	98,85	100	33,6
20	UBND huyện Khoái Châu	99,42	100	36,24
21	UBND huyện Tiên Lữ	99,04	100	29,15
22	UBND huyện Phù Cù	98,95	100	18,86
23	UBND huyện Yên Mỹ	99,53	100	31,74
24	UBND thị xã Mỹ Hào	99,61	100	22,07
25	UBND huyện Văn Lâm	99,15	100	29,03
26	UBND huyện Văn Giang	99,14	100	13,37

Phụ lục II
CHỈ TIÊU CHỈ PHÁT SINH HOẶC THỐNG KÊ ĐƯỢC
CỦA UBND CÁC CẤP THÁNG NĂM 2023
(Kèm theo công văn số /NPUB-PVHCC&KSTT ngày /01/2024
của Văn phòng UBND tỉnh Hưng Yên)

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Điểm tổng hợp	Kết quả tỷ lệ số hóa hồ sơ (%)	Kết quả cấp bản sao điện tử
1	UBND thành phố Hưng Yên	83,57	59,6	18.105
2	UBND huyện Ân Thi	80,23	59,1	11.236
3	UBND huyện Kim Động	84,43	63,3	20.824
4	UBND huyện Khoái Châu	84,14	60,9	21.776
5	UBND huyện Tiên Lữ	83,82	59,2	13.102
6	UBND huyện Phù Cù	79,34	57,9	9.119
7	UBND huyện Yên Mỹ	83,63	62,6	11.911
8	UBND thị xã Mỹ Hòa	81,46	65,6	23.523
9	UBND huyện Văn Lâm	82,64	56,3	10.356
10	UBND huyện Văn Giang	74,11	53,3	6.656